

令和7年度 保育所等利用案内

1. 保育所等一覧	P1
2. 保育の必要性の認定	P3
3. 保育所等の利用・退園基準	P5
4. 利用申込手続きの流れ、必要書類等について	P6
利用申込 Q&A	P9
5. 豊明市保育所等利用調整指数表(令和7年度)	P10
6. 保育料等、延長保育料、給食費等について	P11
利用開始後 Q&A	P16
7. その他の様々な保育サービスについて	P17
巻末 私立保育所等案内	P19

豊明市にある保育を行う認可の施設または事業は次のとおりです。これらの保育所・認定こども園(保育所部分)・地域型保育事業(以下「保育所等」という。)の利用を希望する場合は、この利用案内を必ずよくお読みいただき、ご理解の上お申込みください。

種 別	目 的
保育所	就労などのため家庭で保育のできない保護者に代わって保育を行う施設です。
認定こども園 (保育所部分)※	保育所と幼稚園の機能や特徴を併せもち、教育と保育を一体的に行う施設です。
地域型保育事業	保育所より少人数の単位で0～2歳の子どもを対象に、就労などのため家庭で保育のできない保護者に代わって保育を行う事業です。

(※)幼稚園部分の利用を希望する場合は、施設に直接お尋ねください。



Thành phố Toyoake
豊 明 市
Phòng nhà trẻ- Trụ sở hành
chính thành phố Toyoake
豊 明 市 役 所 こ ども 保 育 課
TEL:0562-92-1120(直通)
FAX:0562-92-1168
〒470-1195 豊明市新田町子持松1番地1



1. Danh sách các cơ sở trông trẻ

【表1. Danh sách các cơ sở trông trẻ trong thành phố Toyoake】

種別	施設名	所在地・電話番号	定員	平日開園時間	土曜日開園時間 (※1)	利用可能期間(※3) 令和7年4月1日時点	公 私 別
保育所	①Aoitori	三崎町高鴨 1-1 TEL:0562-92-6666	174	7:30 ~ 18:30		Trẻ từ 1 tuổi đến trước khi nhập học	公立
	②Futamuradai	二村台3丁目 1-1 TEL:0562-92-1500	150	7:30~19:00	7:30~18:30	Trẻ từ 4 tháng tuổi đến trước khi nhập học	公立
	③Yakata	栄町西大根 30-273 TEL:0562-97-0800	142	7:30~19:00	7:30~18:30	Trẻ từ 4 tháng tuổi đến trước khi nhập học	公立
	④Chubu	新田町門先 10-10 TEL:0562-92-7667	195	7:30 ~ 18:30		Trẻ 1 tuổi cho đến trước khi nhập học	公立
	⑤Sakae	新栄町二丁目 333 TEL:0562-97-1900	173	7:30 ~ 18:30		Trẻ 1 tuổi cho đến trước khi nhập học	公立
	⑥Nanbu	栄町坂畑 100 TEL:0562-97-2811	88	7:30 ~ 18:30		Trẻ từ 4 tháng tuổi trước khi nhập học	公立
	⑦Seibu	間米町鶴根 1212-66 TEL:0562-93-7781	90	7:30~18:30	7:30~18:30 (※2)二村台保育園にて	Trẻ 1 tuổi cho đến trước khi nhập học	公立
	⑧Mutsumi	阿理御西ノ海戸 19-2 TEL:0562-92-0137	130	7:30~19:00	7:30~18:30	Trẻ từ 57 ngày tuổi trước khi nhập học	私立
	⑨Karatake	間米町唐竹 368-7 TEL:0562-93-3737	130	7:30 ~ 18:30		Trẻ từ 57 ngày tuổi trước khi nhập học	私立
	⑩Mamina	新栄町三丁目 308 TEL:0562-98-1116	30	7:30~19:00	7:30~18:30	Trẻ từ 57 ngày tuổi đến 2 tuổi (※4)	私立
	⑪Shiraho Tobu	沓掛町小所 80 TEL:0562-57-2430	120	7:00~19:00	7:00~18:30	Trẻ từ 57 ngày tuổi trước khi nhập học	私立
	⑫Kutsukakekeyaki	沓掛町東本郷 178 TEL:0562-57-6630	110	7:00~19:00	7:00~18:30	Trẻ từ 57 ngày tuổi đến trước khi nhập học	私立
	⑬Aiguran Hoikuen Uchiyama	栄町内山 67-5 TEL:0562-57-5590	100	7:00~19:00		Trẻ từ 57 ngày tuổi đến tuổi đi học (※5)	私立
■	⑭ Memorytree Misaki	三崎町中ノ坪 21-10 TEL:0562-74-8901	19	7:30 ~ 18:30		Trẻ từ 4 tháng tuổi đến 2 tuổi (※4)	私立
	⑮ Memorytree Zengo	阿理御北上ノ山 42-10 TEL:0562-74-9401	19	7:30 ~ 19:00		Trẻ từ 4 tháng tuổi đến 2 tuổi (※4)	私立
	⑯ Toyoake Nakayoshi	大久伝町西 53-10 TEL:0562-92-7826	19	7:30~19:00	7:30~18:30	Trẻ từ 57 ngày tuổi đến 2 tuổi (※4)	私立
	⑰ Kanade attached to Chukyo Satellite Clinic	沓掛町石畑 192 TEL:0562-57-0082	30	7:30 ~ 18:30		Trẻ từ 57 ngày tuổi đến 2 tuổi (※4)	私立
認定 こ ども 園	⑱ Rejoice	二村台2丁目 9-1 TEL:0562-92-1943	107	7:30 ~ 18:30		Trẻ từ 6 tháng tuổi trước khi nhập học	私立
	⑲ Toyoake (tên tạm thời)	沓掛町山新田 10-15 TEL:0562-92-3121	79	7:30 ~ 18:30		Trẻ từ 6 tháng tuổi đến trước khi nhập học	私立

(※1) Thời gian gửi trẻ vào thứ Bảy được giới hạn theo thời gian cần thiết cho công việc của người giám hộ (Chỉ giới hạn trong trường hợp có thể xác nhận qua giấy chứng nhận làm việc, v.v...)

(※2) Việc trông trẻ vào thứ Bảy sẽ được gộp chung tại các cơ sở trông trẻ được liệt kê.

(※3) Đối với việc tiếp nhận lớp trẻ 0 tuổi, sẽ tính theo tháng tuổi tại thời điểm bắt đầu gửi.

(※4) Sẽ ưu tiên chuyển trường theo nguyện vọng đăng ký khi trẻ lên lớp 3 tuổi (Lớp nhỏ)

(※5) Từ năm tài chính 2025 sẽ tiếp nhận trẻ từ 57 ngày tuổi trở lên.

通常保育時間は、次のとおりです。このほか、保護者の就労状況等に応じて必要な範囲で、通常保育時間帯を超えての利用や土曜日の利用が可能です。ご利用の際は、各保育所等に別途事前申請が必要です。詳細は各保育所等にお尋ねください。(料金については 13 ページ参照。)

	保育所等名	時間
通常保育	むつみ保育園・豊明幼稚園(仮称) 以外全て	8時15分 から 16時15分 まで
	むつみ保育園・豊明幼稚園(仮称)	8時から16時 まで

市内保育所等地図



Ngày tháng năm sinh	Lớp tương ứng
Ngày 2 tháng 4 năm 2024～	Trẻ 0 tuổi
Ngày 2 tháng 4 năm 2023～ Ngày 1 tháng 4 năm 2024	Trẻ 1 tuổi
Ngày 2 tháng 4 năm 2022～ Ngày 1 tháng 4 năm 2023	Trẻ 2 tuổi
Ngày 2 tháng 4 năm 2021～ Ngày 1 tháng 4 năm 2022	Trẻ 3 tuổi
Ngày 2 tháng 4 năm 2020～ Ngày 1 tháng 4 năm 2021	Trẻ 4 tuổi
Ngày 2 tháng 4 năm 2019～ Ngày 1 tháng 4 năm 2020	Trẻ 5 tuổi

tré

Lý do gửi trẻ	Thời gian trông trẻ	Điều kiện cụ thể, thời gian chứng nhận trông trẻ	Hồ sơ có thể xác nhận lý do gửi trẻ (Nộp hồ sơ sau khi chứng nhận trong vòng 3 tháng)
① Làm việc	Trông trẻ theo thời gian tiêu chuẩn (Thời gian làm việc 1 tháng 120 tiếng trở lên) Hoặc Tổng trẻ theo thời gian ngắn (Thời gian làm việc 1 tháng 60-120 tiếng)※1	. Về cơ bản tất cả công việc đều được áp dụng ※3 . (Bao gồm toàn thời gian, bán thời gian, qua công ty phái cử, làm đêm, v.v., những công việc khác ngoài việc nhà mang tính chất thường xuyên) . Giờ làm việc ít nhất 60 giờ mỗi tháng . Trường hợp làm nông nghiệp (bao gồm kinh doanh nông nghiệp) có diện tích canh tác từ 0,3 hecta trở lên. 《Thời gian trông trẻ》 . Đến tuổi đi học . Trong trường hợp công việc có thời hạn, trông trẻ cho đến hết thời gian làm việc.	Giấy chứng nhận việc làm Chủ doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể: Nộp các giấy tờ sau đây để xác nhận (Điều này sẽ ảnh hưởng đến việc xét hồ sơ đăng ký) <u>Thông báo thành lập doanh nghiệp, bản sao giấy phép kinh doanh, bản sao khai thuế năm gần nhất, chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u> Người làm nông nghiệp: Được chứng nhận từ chủ kinh doanh nông nghiệp Trong trường hợp giấy chứng nhận cho chính chủ kinh doanh phải đính kèm bản sao sổ đăng ký hộ nông nghiệp. Nhân viên làm việc tại nhà: Được chứng nhận bởi người cung cấp hàng làm tại nhà, hoặc bản sao của hợp đồng v.v.
② Đi học	Trông trẻ theo thời gian tiêu chuẩn (Thời gian đi học 1 tháng 120 tiếng trở lên) Hoặc Tổng trẻ theo thời gian ngắn (Thời gian đi học 1 tháng 60-120 tiếng ※ 1	. Nếu đang theo học tại trường học, trường dạy nghề, hoặc cơ sở giáo dục khác được quy định trong Luật Giáo dục Trường học, v.v. . Giờ học phải ít nhất 60 giờ mỗi tháng. . 《Thời hạn trông trẻ》 Đến cuối tháng tốt nghiệp	Giấy chứng nhận đi học, chương trình giảng dạy, v.v. (Cần phải nộp một chương trình giảng dạy đã được xác nhận sau khi nhập học.))
③ Mang thai/ sinh con	Tổng trẻ theo thời gian tiêu chuẩn (Tổng trẻ theo thời gian ngắn)※2	《Thời gian trông trẻ》 Từ ngày đầu tiên của tháng trước tháng dự sinh (* 4) đến ngày cuối cùng của tháng sau ngày dự sinh	Bản sao Sổ tay Sức khỏe mẹ và bé (Trang bìa và trang có ngày sinh dự kiến)
④ Người giám hộ bị bệnh tật hoặc khuyết tật	Trông trẻ theo thời gian tiêu chuẩn (Tổng trẻ theo thời gian ngắn)※2	. Khi người giám hộ cần trông trẻ do bệnh tật hoặc khuyết tật về tinh thần hay thể chất . 《Thời gian trông trẻ》 Đến tuổi đi học	Mẫu đơn yêu cầu (theo mẫu do thành phố quy định) và một trong các mẫu sau: ・Bệnh tật: Giấy chứng nhận của bác sĩ (※5) (Trên giấy xác nhận có ghi "Không thể trông trẻ") ・Người khuyết tật: Bản sao giấy chứng nhận khuyết tật, v.v. (※ 6)
⑤ Chăm sóc điều dưỡng, chăm sóc y tế v.v.. người thân (kể cả trong thời gian nằm viện)	Trông trẻ theo thời gian tiêu chuẩn Hoặc Tổng trẻ theo thời gian ngắn	. Khi người thân bị bệnh trong một thời gian dài, bị khuyết tật về tinh thần hoặc thể chất, hoặc đã nằm viện trong một thời gian dài và cần chăm sóc điều dưỡng liên tục. 《Thời gian trông trẻ》 Đến tuổi đi học	Mẫu đơn yêu cầu (theo mẫu do thành phố quy định) và một trong các mẫu sau: ・Chăm sóc điều dưỡng: "Bản sao thẻ bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng" (*6) hoặc "Giấy chứng nhận của bác sĩ" (* 5) (Trên giấy xác nhận có ghi "Cần chăm sóc điều dưỡng lâu dài.") ・Chăm sóc y tế: Giấy chứng nhận bác sĩ (*5) (Trên giấy xác nhận có ghi "Cần thiết chăm sóc y tế")
⑥ Phục hồi sau thảm họa	Trông trẻ theo thời gian tiêu chuẩn (Tổng trẻ theo thời gian ngắn)※2	. Khi bị ảnh hưởng bởi thảm họa như động đất, bão hoặc thiệt hại do lũ lụt, hỏa hoạn, v.v. và cần gửi trẻ để khắc phục thảm họa. . 《Thời hạn trông trẻ》Cho đến khi kết thúc khắc phục thảm họa	Giấy chứng nhận thảm họa (do Phòng hành chính TP, sở cứu hỏa cấp, v.v.)
⑦ Tìm kiếm việc làm (Bao gồm việc chuẩn bị để bắt đầu kinh doanh)	Tổng trẻ theo thời gian ngắn	60 giờ mỗi tháng có hoạt động tìm kiếm việc làm (yêu cầu báo cáo hoạt động hàng tháng) Theo nguyên tắc chung, không thể gửi trẻ trong hơn 3 tháng với lý do đang có hoạt động tìm kiếm việc làm trong cùng một năm tài chính. 《Thời hạn chứng nhận》 Khoảng 3 tháng kể từ ngày bắt đầu gửi trẻ	Giấy báo cáo hoạt động tìm kiếm việc làm (mẫu do thành phố chỉ định)
⑧ Xin nghỉ làm chăm sóc trẻ	Tổng trẻ theo thời gian ngắn	. Trong trường hợp nghỉ việc để chăm sóc một trẻ khác, có thể gửi trẻ lớp 3-5 tuổi (※ 7) . 《Thời gian trông trẻ》 . Đến cuối tháng của ngày hết hạn của thời gian nghỉ việc chăm sóc trẻ.	Giấy chứng nhận nghỉ chăm sóc trẻ (mẫu do thành phố quy định) hoặc Giấy chứng nhận công việc (theo mẫu do thành phố quy định)
⑨ Khác	Tùy theo tình hình	Những trường hợp khác được chấp nhận theo tiêu chuẩn. 《Thời gian trông trẻ》 Tùy theo tình hình	Tùy theo tình hình sẽ yêu cầu những hồ sơ cần thiết.

(※1) Tùy thuộc vào tình hình làm việc học tập và nguyện vọng của người giám hộ, có thể chứng nhận thời gian trông trẻ khác nhau. Nếu đáp ứng được chứng nhận trông trẻ theo thời gian tiêu chuẩn có thể chọn chứng nhận trông trẻ theo thời gian ngắn.

(※2) Về nguyên tắc, được chứng nhận trông trẻ theo thời gian tiêu chuẩn, nhưng nó có thể thay đổi chứng nhận trông trẻ theo thời gian ngắn theo nguyện vọng.

(* 3) Trường hợp nộp đơn khi có dự định làm việc nhưng có thể được yêu cầu nộp giấy chứng nhận làm việc sau khi bắt đầu làm việc.

(*4) Nếu ngày nộp đơn muộn hơn ngày này, ngày bắt đầu chứng nhận sẽ khác.

(*5) Giấy chứng nhận của bác sỹ có giá trị đến hết ngày đến hạn ghi trên giấy chứng nhận hoặc trong 3 tháng kể từ ngày cấp, người giám hộ muốn tiếp tục đăng ký cần phải nộp lại để xác nhận tình trạng hiện tại.

(*6) Để xác nhận nhu cầu trông trẻ, có thể yêu cầu người giám hộ nộp giấy chứng nhận của bác sỹ.

(*7) Từ tháng 4 năm Reiwa 6, có thể tiếp tục gửi trẻ lớp 2 tuổi.

3. Tiêu chuẩn về việc gửi trẻ và trẻ rời khỏi cơ sở trông trẻ...

Về việc gửi trẻ

Về nguyên tắc ngày bắt đầu gửi trẻ phải là ngày 1

Cần phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau đây tại thời điểm bắt đầu gửi trẻ

① Trẻ và người giám hộ phải là cư dân thành phố Toyoake.

《Trường hợp dự định chuyển địa chỉ đến Thành Phố Toyoake》

Chỉ có thể đăng ký trong trường hợp trẻ và người giám hộ có dự định chuyển chỗ ở đến thành phố Toyoake trước ngày bắt đầu sử dụng và có thể ghi chính xác địa chỉ dự định sinh sống tại thời điểm đăng ký.

② Phải có chứng nhận trông trẻ (Chứng nhận số 2, Chứng nhận số 3) từ Thành phố. (Nếu đang có dự định chuyển chỗ ở đến thì phải đáp ứng lý do chứng nhận như giấy xác nhận công việc)

③ Trẻ có thể sinh hoạt tập thể tại cơ sở trông trẻ.

Về thời gian gửi trẻ

Thời gian có thể gửi trẻ là đến lớp 2 tuổi hoặc cho đến hết tuổi đi nhà trẻ. Tuy nhiên, trường hợp không có nhu cầu gửi trẻ nữa thì chứng nhận trông trẻ sẽ bị hủy và trẻ sẽ phải rời khỏi cơ sở trông trẻ.

Ngoài ra, việc gửi trẻ do "mang thai và sinh nở" có giới hạn về thời gian với khoảng thời gian được xác định trước. Để tiếp tục gửi trẻ sau thời gian xác định này, cần phải nộp đơn trước để có chứng nhận trông trẻ. Nếu muốn tiếp tục gửi trẻ, vui lòng liên hệ trước tới Phòng nhà trẻ Thành phố Toyoake.

Điều chỉnh đối với đăng ký gửi trẻ

. Nếu lượng đơn đăng ký vượt quá số lượng quy định sẽ được lập chỉ số xét duyệt theo tiêu chuẩn của Thành phố tùy thuộc vào lý do gửi trẻ, tình trạng hộ gia đình. Chúng tôi sẽ quyết định người có chỉ số cao, thứ tự ưu tiên cao.

(Tham khảo trang 10 (Bảng chỉ số xét duyệt hồ sơ))

***Trường hợp chỉ số bằng nhau.**

Đối với hồ sơ đăng ký đồng loạt và hồ sơ đăng ký gửi trẻ vào ngày 1/4 năm Reiwa 7 sẽ được quyết định theo thứ tự rút thăm vào thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

Hồ sơ đăng ký gửi trẻ từ ngày 1 tháng 5 Reiwa 7 trở đi sẽ quyết định cho người nộp đơn sớm hơn

• Chúng tôi sẽ không thực hiện xét duyệt điều chỉnh vào những cơ sở trông trẻ không thuộc nguyện vọng ghi trong hồ sơ đăng ký.

退園日は原則毎月末のみです。市外への転出や認定事由に該当しなくなった場合等は、その日の属する月の末日をもって退園となります。

退園することが確定した時点で速やかに退園届を各保育所等に提出してください。(遅くとも退園希望日の2週間前までには提出してください。)

退園について

1か月を超えて休園する場合、保育所等は退園となります。なお、出産予定月の前々月の初日から出産日の翌々月の末日までの里帰り出産の間は除きます。その場合、在籍中は保育料、給食費等の納入義務が発生します。

4. Quy trình đăng ký gửi trẻ và hồ sơ cần thiết

市が保育所等全19園(1ページ参照)の利用決定を行いますので、申込書の「利用希望保育所等」欄には、利用を希望する市内保育所等を全てご記入ください。なお、希望の保育所等の受入れ可能枠に空きがないなど、利用申込みをされてもご希望に添えないことがありますのであらかじめご了承ください。

Lịch trình và quy trình đăng ký gửi trẻ

- ① Đăng ký đồng loạt・・・【Gửi trẻ từ ngày 1 tháng 4 năm Reiwa7】
- ② Đăng ký thường xuyên・・・【Gửi trẻ từ ngày 1 tháng 4 năm Reiwa7】
- ③ Đăng ký thường xuyên・・・【Gửi trẻ từ ngày 1 tháng 5 năm Reiwa7】

	① Đăng ký đồng loạt	② Đăng ký thường xuyên 【Gửi trẻ từ ngày 1/4 năm Reiwa 7】	③ Đăng ký thường xuyên 【Gửi trẻ từ ngày 1/5 năm Reiwa 7】
1. Phát hồ sơ đăng ký	Từ ngày 01/ 10 năm Reiwa 6	Từ ngày 2 tháng 12 năm Reiwa 6	
2. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký	Từ ngày 23 /10 năm Reiwa 6 Được ghi trong hồ sơ phát cho đăng ký đồng loạt	Từ ngày 15 tháng 1 năm Reiwa 7	
3. Kỳ hạn nộp hồ sơ	Đến 5 giờ chiều 21 tháng 11, Reiwa 6. Nếu có phỏng vấn, phỏng vấn tại cơ sở trông trẻ có nguyện vọng 1 trước ngày 25/11	【Lần 1】Ngày 31 tháng 1 năm Reiwa 7 【Lần 2】Ngày 28 tháng 2 năm Reiwa 7	Cuối tháng trước tháng muốn gửi trẻ
4. Kết quả xét duyệt Thông báo kết quả được gửi trẻ(* 1)	【Lần 1】 Khoảng tháng 1 năm Reiwa 7 【Lần 2】 Khoảng tháng 2 năm Reiwa 7 【Lần 3】Khoảng tháng 3 năm Reiwa 7	【Lần 1】Khoảng tháng 2 năm Reiwa 7 【Lần thứ 2】Khoảng tháng 3 năm Reiwa 7	Khoảng cuối tháng trước tháng muốn gửi trẻ
5. Buổi giải thích trước khi bắt đầu gửi trẻ.	Khoảng từ đầu ~ giữa tháng 3 năm Reiwa 7	Đầu ~ giữa tháng 3 năm Reiwa 7	—
6. Thông báo phí trông trẻ, v.v.	Khoảng cuối tháng 3 năm Reiwa 7	Khoảng cuối tháng 3 năm Reiwa 7	Khoảng cuối tháng trước tháng muốn gửi trẻ

(*1) Đây là thông báo việc có thể gửi trẻ theo hồ sơ đã đăng ký hoặc bảo lưu hồ sơ đã đăng ký. Nếu hồ sơ không được xét duyệt sắp xếp vào đợt này, chúng tôi sẽ gửi thông báo bảo lưu hồ sơ đăng ký (thông báo chỉ gửi một lần.), hàng tháng sẽ tiến hành điều chỉnh xem xét lại hồ sơ và liên lạc chỉ trong trường hợp hồ sơ được xét duyệt.

(*2) Trường Mẫu giáo Toyoake(tên dự kiến), các lớp dành cho trẻ 4 tuổi và 5 tuổi sẽ không được sắp xếp điều chỉnh cho việc gửi trẻ tại thời điểm nộp đơn đăng ký đồng loạt và nộp đơn đăng ký thường xuyên vào ngày 1 tháng 4 năm Reiwa 7.

Chúng tôi sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết chỉ khi có chỗ trống.

Về việc đăng ký

- Cha hoặc mẹ của trẻ tiến hành thủ tục đăng ký.
- (* Nếu cha mẹ không thể tiến hành thủ tục đăng ký do hoàn cảnh, hãy tham khảo ý kiến trước tại Phòng nhà trẻ Trụ sở hành chính Thành phố)
- Đơn đăng ký có thể được gửi qua bưu điện, bất kể người giám hộ sống trong hay ngoài thành phố.
- Yêu cầu 1 bộ hồ sơ đăng ký cho mỗi trẻ.
- Nếu hồ sơ đăng ký có thiếu sót, việc đăng ký sẽ không được hoàn thành. Hãy hoàn thành hồ sơ và nộp trong thời hạn.
- (* Hồ sơ nộp qua đường bưu điện sẽ không được chấp nhận nếu có bất kỳ thiếu sót nào.) Trong trường hợp này, cần gửi lại hồ sơ đăng ký hoặc trực tiếp nộp tại Phòng nhà trẻ thuộc Trụ sở hành chính Thành Phố.
- Hồ sơ đã được tiếp nhận không thể được trả lại. Nếu cần vui lòng giữ lại bản sao.
- Nếu có sự thay đổi trong hồ sơ đăng ký (lý do trông trẻ hoặc tình trạng gia đình), vui lòng thông báo cho Phòng nhà trẻ Văn phòng hành chính TP. Tùy thuộc vào nội dung thay đổi, người giám hộ có thể được yêu cầu bổ sung hồ sơ.
- Nếu có sự giả dối nào trong hồ sơ đã nộp, sẽ không được chứng nhận trông trẻ hoặc trẻ sẽ phải rời khỏi cơ sở trông trẻ ngay cả khi đã có quyết định việc trẻ được gửi tại cơ sở trông trẻ.

Về việc tiếp nhận đăng ký đồng loạt

Để biết chi tiết, vui lòng tham khảo tài liệu đính kèm "Những chú ý về việc đăng ký gửi trẻ tại các cơ sở trông trẻ"

Về ngày bắt đầu làm việc của người giám hộ

Nếu lý do gửi trẻ là "làm việc", ngày bắt đầu làm việc (trở lại làm việc) chậm nhất là ngày 30 tháng 4 thì có thể nộp đơn đăng ký đồng loạt (phí trông trẻ tính theo tháng). Ngoài ra, khi bắt đầu gửi trẻ, thời gian trông trẻ chỉ vào buổi sáng (*) để trẻ làm quen với cơ sở trông trẻ.

***Về thời gian làm quen với cơ sở trông trẻ**

Tại thành phố Toyoake, đối với những trẻ mới được gửi tại cơ sở trông trẻ, trong khoảng thời gian đầu trẻ sẽ được người giám hộ đón về sau bữa trưa. Việc này sẽ giúp trẻ làm quen dần với cuộc sống nhóm mà không gặp khó khăn. Để biết chi tiết, vui lòng liên hệ đến cơ sở trông trẻ.

Về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thường xuyên

- Hãy nộp hồ sơ đăng ký tại Phòng nhà trẻ thuộc Văn phòng hành chính Thành Phố.
- Do điều chỉnh sắp xếp, Phòng nhà trẻ sẽ liên hệ khi có chỗ trống.

Ngoài ra, trong cùng một năm tài chính, việc điều chỉnh và sắp xếp sẽ diễn ra hàng tháng nên không cần phải nộp đơn đăng ký lại, trừ khi người giám hộ muốn rút đơn đăng ký. Nếu muốn thay đổi cơ sở trông trẻ mong muốn, hãy liên hệ tới Phòng nhà trẻ trước thời hạn nộp đơn hàng tháng.

- Để biết chi tiết, vui lòng đọc tài liệu đính kèm "Những chú ý về việc đăng ký gửi trẻ tại các cơ sở trông trẻ năm Reiwa 7".

Về hồ sơ cần thiết cho việc đăng ký đồng loạt

1. Đơn đăng ký gửi trẻ tại cơ sở trông trẻ.
2. Đơn đăng ký cấp chứng nhận trông trẻ tại cơ sở trông trẻ.
3. Giấy chứng nhận làm việc của người giám hộ (cha/mẹ).
4. Giấy xác nhận liên quan đến việc đăng ký gửi trẻ tại cơ sở trông trẻ.
5. Giấy tờ có thể xác nhận mã số cá nhân (Bắt buộc đối với người giám hộ đến quầy dịch vụ đăng ký)

	Giấy tờ có thể xác nhận được mã số cá nhân	Giấy tờ có thể xác nhận danh tính
①	Thẻ mã số cá nhân	
②	Thẻ thông báo Hoặc Bản sao phiếu cư dân có ghi mã số cá nhân	Giấy phép lái xe, hộ chiếu, thẻ cư trú (Trường hợp không thể chuẩn bị được những giấy tờ này thì vui lòng cung cấp 2 trong số những giấy tờ: thẻ bảo hiểm, sổ hưu trí, giấy chứng nhận trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em)

- ① Chỉ bằng thẻ mã số cá nhân có thể xác nhận được cả mã số và danh tính.
- ② Mang theo giấy tờ có thể xác nhận mã số cá nhân và danh tính.

※Đã có nhiều hồ sơ cần chỉnh sửa sau khi nộp, vì vậy hãy xác nhận kỹ trước khi nộp theo những chú ý sau:

- ① Hồ sơ nộp không ghi bằng bút bi có thể xóa được hoặc bút chì.
- ② Đã ký vào cột “Bản cam kết liên quan đến phí trông trẻ và phí bữa ăn” ở mặt sau của đơn đăng ký.
- ③ Ở những chỗ cần chỉnh sửa phải gạch 2 gạch ngang, không sử dụng bút xóa hay băng xóa.

Khi gửi trẻ với lý do đang có hoạt động tìm kiếm việc làm

Để được cấp chứng nhận trông trẻ người giám hộ phải có hoạt động tìm kiếm việc làm ít nhất 60 giờ mỗi tháng và nộp báo cáo về hoạt động đó tại Phòng nhà trẻ thuộc Văn phòng hành chính Thành Phố muộn nhất đến ngày 15 hàng tháng. Trong trường hợp là ngày nghỉ thì nộp vào ngày làm việc trước đó.

Nếu trong thời gian chứng nhận trông trẻ, người giám hộ không thể nộp giấy chứng nhận làm việc, trẻ sẽ phải rời khỏi cơ sở trông trẻ khi kết thúc thời gian chứng nhận. Ngoài ra, nếu không nộp báo cáo đúng thời hạn, giấy chứng nhận gửi trẻ sẽ bị hủy và trẻ cũng sẽ phải rời khỏi cơ sở trông trẻ ngay cả khi vẫn còn trong thời hạn chứng nhận.

Khi gửi trẻ với lý do mang thai, sinh con

Thời gian gửi trẻ được giới hạn trong khoảng thời gian từ ngày bắt đầu có chứng nhận đến ngày cuối cùng của tháng sau tháng sinh. Nếu muốn tiếp tục xin chứng nhận trông trẻ và gửi trẻ cần thiết phải liên hệ trước.

*** Trường hợp có thay đổi về nội dung chứng nhận trông trẻ, tình trạng hộ gia đình v.v. sau khi đăng ký gửi trẻ***

Vui lòng thông báo cho Phòng nhà trẻ tại trụ sở hành chính Thành Phố. Tùy thuộc vào tình trạng hồ sơ, chúng tôi có thể yêu cầu nộp hồ sơ bổ sung.

5. 豊明市保育所等利用調整指数表(令和7年度)

父(基準指数)	+	父(調整指数①)	+	母(基準指数)	+	母(調整指数①)	+	調整指数②		合計

指数表は毎年度見直すことがあるため、次年度は変更となる場合があります。

区 分 ・ 形 態		指 数	区 分 ・ 形 態		指 数
1 就 労			4 育児休業(3歳児～5歳児のみ)		
(1) 会社員・経営者(自営業・農業)			5 疾 病、障がい等		
1	就 労 時 間	175H/月以上 20	(1) 疾 病		
2	〃	160H/月以上 19	1	入 院	18
3	〃	140H/月以上 18	2	通 院(16日/月以上の治療が必要な場合)	13
4	〃	120H/月以上 17	3	自宅療養(医者が保育に支障があると認めた場合)	11
5	〃	100H/月以上 16	(2) 障害者手帳・療育手帳		
6	〃	80H/月以上 15	1	1・2級又はA	18
7	〃	60H/月以上 14	2	3・4級又はB・C	10
(2) 内 職 12			3	上記以外	9
2 就 学			6 親 族 の 介 護 ・ 看 護		
1	就 学 時 間	175H/月以上 17	1	介護・看護時間	120H/月以上 12
2	〃	160H/月以上 16	2	〃	60H/月以上 10
3	〃	140H/月以上 15	7 災 害 復 旧 18		
4	〃	120H/月以上 14	8 求職活動・起業準備 3		
5	〃	100H/月以上 13	9 通園施設付添 14		
6	〃	80H/月以上 12	3 出 産 18		
7	〃	60H/月以上 11			

調
整
指
数

調整指数①		
【就労 調整指数】		
1	経営者（自営業）で公的書類無の場合	△2
2	保育士※1	+3
【就学 調整指数】		
1	受験者	△2

調整指数②		
【世帯状況 調整指数】		
1	父親または母親が不在の場合	+25
【その他】		
1	利用第1希望保育所等が兄弟で同じ場合、または利用第1希望保育所等に兄弟が在園している場合	+5
2	育休取得による退所後に再度利用を申込み場合※2	+3
3	転園児※3	+3
4	市内認可外保育施設利用者（要認定）※4	+3
5	同一施設希望の1号認定利用者	+5
6	里親制度を利用している児童※5	+5
7	保育料・給食費滞納者（市との面談に応じない場合）	△5

- ※1 市内の認可保育所等において、保育士として継続的に就労する(予定者を含む。)場合に限りします。
 ※2 3～5歳児クラスの利用申込みに限りします。
 ※3 市内の保育所・地域型保育事業・認定こども園(保育所部分)から転園を希望される場合に限りします。
 ※4 保育所等利用保留中に、保育認定を受けた状態でベビーマグス保育園を利用している場合加算されます。
 ※5 措置決定通知書の確認が必要になります。

6. Về phí trông trẻ, phí trông ngoài giờ và phí bữa ăn tại cơ sở trông trẻ

Phí trông trẻ

Phí trông trẻ, v.v. được quyết định theo bảng sau đây dựa trên số tiền thuế cư trú tính theo thu nhập chịu thuế của bố mẹ hoặc người có nghĩa vụ nuôi dưỡng khác có cùng sinh kể với trẻ đang gửi tại cơ sở trông trẻ. (chỉ trong trường hợp những người này là trụ cột về kinh tế gia đình). Ngoài ra các chi phí khác như hội phí phụ huynh và phí ăn của trẻ tại cơ sở trông trẻ.v.v. sẽ được yêu cầu riêng (sẽ được thông báo từ từng cơ sở trông trẻ. Phí trông trẻ 3-5 tuổi là miễn phí)

【Số tiền thu nhập chịu thuế được xác định dựa trên số tiền trước khi khấu trừ thuế như khấu trừ cổ tức, khấu trừ đặc biệt cho các khoản vay mua nhà, v.v..., khấu trừ đặc biệt cho việc trùng tu chống động đất, v.v...】

《Bảng phí trông trẻ tiêu chuẩn thành phố Toyoake》

(単位:円)

Bậc	Tổng số tiền thuế cư dân tính theo thu nhập chịu thuế (※1)		0 tuổi		1・2 tuổi	
			Thời gian tiêu chuẩn	Thời gian ngắn	Thời gian tiêu chuẩn	Thời gian ngắn
A	Người được bảo hộ, v.v... (※2) Cha mẹ nuôi (※3)		0	0	0	0
B	Hộ gia đình được miễn thuế cư dân thành phố, thị trấn và làng xã		0	0	0	0
C	Dưới 48,600 yên	※4	3,400	2,100	3,400	2,100
		Khác	7,800	5,200	7,800	5,200
D1	48,600 yên～	Hộ gia đình cha mẹ đơn thân ※4	5,500	4,200	5,500	4,200
		Khác	11,100	8,400	11,100	8,400
D2-1	59,600 yên～	Hộ gia đình cha mẹ đơn thân ※4	9,000	7,600	9,000	7,600
		Khác	19,100	16,300	19,100	16,300
D2-2	77,101 yên ～		19,100	16,300	19,100	16,300
D3	79,600 yên ～		27,400	24,400	27,400	24,400
D4	97,000 yên ～		33,900	30,800	33,900	30,800
D5	116,000 yên ～		40,500	37,300	40,500	37,300
D6	134,000 yên ～		42,700	39,500	42,200	39,000
D7	152,000 円 ～		44,500	42,000	43,900	40,700
D8	169,000 円 ～		53,600	50,200	49,600	46,300
D9	301,000 円 ～		55,600	52,200	50,600	47,300

(※1) 政令指定都市で課税されている場合、税率は税源移譲前の税率を基準に算定します。

(※2) 被保護者等とは次の者のことです。

- ・生活保護法第6条第1項に規定する被保護者及び支援給付を受けている者

(※3) 里親とは次の者のことです。

- ・児童福祉法第6条の4に規定する里親

(※4) ひとり親家庭等の世帯とは次のいずれかに該当する世帯のことです。

- 配偶者のいない女子又は男子で現に児童を扶養している世帯(母子及び父子並びに寡婦福祉法の定めによる。)及びこれに準ずる家庭の世帯
- 在宅障害者(児)のいる世帯。障害者(児)とは、身体障害者手帳、療育手帳又は精神障害者保健福祉手帳の交付を受けている人、特別児童扶養手当の支給対象児、国民年金の障害基礎年金等の受給者です。
- 生活困窮者等特に市長が認めた世帯

Phí trông trẻ, v.v... có thể thay đổi do thay đổi tình trạng hộ gia đình, điều chỉnh thuế hoặc thay đổi các nội dung chứng nhận (thay đổi về thời gian cần gửi trẻ, v.v...). Về nguyên tắc sẽ phản ánh vào phí trông trẻ từ tháng tiếp theo của tháng có thay đổi (trường hợp có thay đổi vào ngày đầu tiên của tháng thì từ tháng có thay đổi trở đi). (Tham khảo trang 3 về cách đăng ký thay đổi chứng nhận.)

Về việc giảm phí trông trẻ và chế độ miễn giảm

- ✧ Các mức giảm và miễn trừ sau đây sẽ không được áp dụng trùng lặp.
- ✧ Nếu mức giảm chỉ bằng một nửa, làm tròn xuống theo đơn vị 100 yên

Giảm phí trông trẻ khi gửi trẻ đồng thời

Ngoài các cơ sở trông trẻ là các trường mẫu giáo, trường mẫu giáo có bộ phận trông trẻ, tổ chức hỗ trợ phát triển trẻ em, cơ sở chăm sóc trẻ do doanh nghiệp quản lý, lớp học hỗ trợ đặc biệt (trong nhà trẻ Aoitori). Vui lòng liên hệ để biết chi tiết. (*Các cơ sở trông trẻ không có giấy phép sẽ không đủ điều kiện áp dụng).

Gửi trẻ thứ 2 ... Giảm nửa số tiền phí trông trẻ.

Gửi trẻ thứ 3 ... Miễn phí.

Giảm phí trông trẻ cho hộ gia đình đơn thân nuôi con thuộc bậc C~C2-1

Từ trẻ thứ 2 ... Miễn phí.

Giảm phí trông trẻ cho các hộ gia đình có mức đóng thuế cư dân dưới 57.700 yên

Hộ gia đình có 2 con trở lên, sẽ được giảm một nửa phí khi gửi trẻ thứ 2, miễn phí khi gửi từ trẻ thứ 3.

* Có thể có ngoại lệ, vì vậy vui lòng liên hệ để biết chi tiết.

Giảm phí trông trẻ cho các hộ gia đình có 3 con

Hộ gia đình có từ ba con trở lên dưới 18 tuổi, phí trông trẻ thứ 3 trở lên khi gửi lớp từ 2 tuổi trở xuống như sau

* Bậc C ~ D3 miễn phí

* Đối với bậc D4 ~ D8, trẻ đầu tiên giảm một nửa phí (chỉ giảm (1) ở trên là dành cho trẻ thứ hai trở đi)

● その他、災害、疾病など特別な事情がある保護者には、保育料等の負担軽減を目的に次のとおり保育料等の減免制度があります(申請方法についてはこども保育課までお問い合わせください)。

i. 所得減

C~D2-2階層の人で、当該年中における所得が、前年に比べ2分の1以下に減少すると認められる場合、申請した月から当該事由が消滅した月まではC階層の人は全額、D1~D2-2階層の人は半額の減免となります。

ii. 長期療養

C~D2-2階層の人で、生計中心者が長期療養者(現に継続して6か月以上療養の人又は継続して6か月以上療養を要すると思われる人)の場合、申請した月から当該事由が消滅した月までに係る保育料等額のうち、C階層の人は全額、D1~D2-2階層の人は半額の減免となります。申請の際は診断書を提出してください。

iii. リ災

自己の所有に係る住宅又は家財について生じた損害金額(保険金及び補償金により補てんされるべき金額を除く。)が、その住宅又は家財の価額の5割以上の場合、申請した月から1年間に係る保育料等のうち、C階層の人は全額、D1階層以上の人は半額の減免となります。申請の際は、リ災証明を提出してください。

iv. 失業保険受給

C~D2-2階層の人で、雇用保険法に定める失業保険の受給資格を有する生計中心者の場合、申請した月から当該事由が消滅した月までに係る保育料等のうち、C階層の人は全額、D1~D2-2階層の人は半額の減免です。申請の際は、失業保険受給者証を提示してください。

v. ひとり親家庭等の世帯のうち D2-2 の人は 1,000 円の減免

(1) Về quyết định phí trông trẻ và thông báo quyết định

- ◆ Phí trông trẻ, v.v... sẽ được tính dựa trên tuổi của trẻ tại thời điểm ngày 1 tháng 4 năm 2024. Kể cả trường hợp ngày sinh đã trôi qua trong năm tài chính và số tuổi đã tăng lên thì phí trông trẻ cũng sẽ không thay đổi. Phí trông trẻ có thể thay đổi do thay đổi về số tiền thuế của người giám hộ.
- ◆ Trường hợp cha mẹ không có đủ thu nhập để duy trì kinh tế gia đình (dưới 1,8 triệu yên, chỉ có cha hoặc mẹ thì dưới 1,3 triệu yên), trong gia đình có người có nghĩa vụ nuôi dưỡng như ông bà (chỉ trong trường hợp người này là người trụ cột về kinh tế gia đình) có số tiền thuế cư trú tính theo thu nhập chịu thuế cao hơn tổng số tiền của cha mẹ thì phí trông trẻ sẽ được tính dựa trên số tiền thuế cư trú của người đó.
- ◆ Phí trông trẻ từ tháng 4 đến tháng 8 năm Reiwa 7 sẽ được xác định dựa trên số tiền thuế cư trú tính theo thu nhập chịu thuế trong năm tài chính trước (năm tài chính 2024). Phí trông trẻ từ tháng 9 đến tháng 3 năm tiếp theo sẽ được xác định dựa trên số tiền thuế cư trú theo thu nhập chịu thuế của năm tài chính đó (năm tài chính 2025).
- ◆ Phí trông trẻ sẽ được thông báo bằng "Thông báo quyết định phí trông trẻ (số tiền người giám hộ phải thanh toán)"
- ◆ Nếu trẻ gửi vào ngày đầu tiên của tháng, trong tháng dù trẻ nghỉ hay vắng mặt vẫn phải đóng đủ phí trông trẻ cả tháng.

Về việc nộp phí trông trẻ

Cơ sở trông trẻ	Nơi nộp	Kỳ hạn nộp	Phương pháp nộp
Các cơ sở trông trẻ	VP Hành chính Thành phố	Nộp phí của tháng tương ứng trước ngày 25 hàng tháng (Kỳ hạn nộp phí tháng 4 là ngày 25 tháng 5, sẽ gộp 2 tháng lại để nộp.) ※ Trường hợp ngày 25 là thứ Bảy, Chủ nhật hoặc ngày lễ thì sẽ là ngày làm việc tiếp theo	Chuyển khoản ngân hàng Thư thông báo nộp
Trường mẫu giáo có bộ phận trông trẻ, tổ chức trông trẻ theo hình thức địa phương	Các cơ sở trông trẻ	Khác nhau tùy theo từng cơ sở	

Vui lòng đảm bảo nộp phí trông trẻ đúng hạn vì đây là nguồn tài chính quý giá cho việc quản lý điều hành cơ sở trông trẻ. Nếu chậm nộp phí trông trẻ, v.v., trong một thời gian dài thì có thể sẽ bị khấu trừ từ trợ cấp trẻ em và truy thu đặc biệt.

Về phí trông trẻ ngoài giờ

Chỉ trông trẻ ngoài giờ như bảng bên dưới. Trong trường hợp cần phải gửi trẻ vào sáng sớm, chiều muộn hoặc vào thứ bảy với lý do như người giám hộ làm việc, v.v. cần phải đăng ký trước tại các cơ sở trông trẻ. Về nguyên tắc, thời gian gửi trẻ vào sáng sớm, chiều muộn hoặc vào thứ Bảy là “Thời gian làm việc + Thời gian đi lại làm việc”. Phí trông trẻ ngoài giờ theo như dưới đây, người giám hộ nộp tại cơ sở trông trẻ.

Cơ sở trông trẻ	Khung giờ
Futamuradai・Yakata・Mutsumi・Mamina・Shirahotobu・ Kutsukekeyaki・Aiguran・Memoritri-Zengo・Toyoake Nakayoshi	【Sáng sớm】7:30 ~ Đến thời gian trông trẻ thông thường (ShirahoTobu・Kutsukakekeyaki・Aiguran 7:00 ~ Đến thời gian trông trẻ thông thường) 【Chiều muộn】(Ngày thường) Sau thời gian trông trẻ thông thường ~ 19:00 (Thứ Bảy) Sau thời gian trông trẻ thông thường ~ 18:30 (Aiguran・Zengo Đến 19:00)
Tất cả ngoại trừ các cơ sở trông trẻ ở trên	【Sáng sớm】7:30 ~ Đến thời gian trông trẻ thông thường 【Chiều muộn】Sau thời gian trông trẻ thông thường ~ 18:30

Về ngày trông trẻ trong tuần

むつみ		7:30	8:00	16:00	17:30	18:30	19:00	
豊明幼稚園(仮称)								
しらほ東部								
斎掛けやき		7:00	7:30	8:15	16:15	17:30	18:30	19:00
アイグラン								
上記以外		7:30	8:15	16:15	17:30	18:30	19:00	
Trông trẻ theo thời gian ngắn	100 yên (7:30 ~, ngoại trừ Shiraho East, Kuzukakeyaki và Aiguran Yang)		Trông trẻ theo thời gian thông thường	100yên(※)	100 yên(※)	100 yên (*)		
Trông trẻ theo thời gian thông thường	100 yên (Shiraho tobu, Kusukakeyaki, Aiguran)		Không tính thêm phí trông ngoài giờ. (Cần phải đăng ký trước)			(Giờ mở cửa được giới hạn đến 7 giờ tối))		

(※) Trong trường hợp có chứng nhận trông trẻ theo thời gian ngắn tại Toyoake Nakayoshi, nếu gửi thêm trong khoảng thời gian 16:15 ~ 18:15 cứ 30 phút phí 100 yên, khoảng thời gian 18:15 ~ 19:00 tổng phí là 100 yên.

Trông trẻ vào Thứ Bảy

むつみ		7:30	8:00	16:00	17:30	18:30	
豊明幼稚園(仮称)							
しらほ東部	7:00	7:30	8:15	16:15	17:30	18:30	
斎掛けやき							
アイグラン	7:00	7:30	8:15	16:15	17:30	18:30	19:00
メモリーツリー前後		7:30	8:15	16:15	17:30	18:30	19:00

上記以外	7:30	8:15	16:15	17:30	18:30
Trông trẻ theo thời gian ngắn	100 円 (7:30~、ngoại trừ Shinho tobu, Kusulakekeyashi và Aiguan)	Trông trẻ theo thời gian thông thường	100 円(※)	100 円(※)	100 yên (*)
Trông trẻ theo thời gian tiêu chuẩn	100 円 (Shirahotobu・Kusulakekeyashi・Aiguan)	Không tính thêm phí trông ngoài giờ. (Cần phải đăng ký trước)			(Chỉ những cơ sở có thời gian mở cửa đến 19 giờ)

(※) Trong trường hợp có chứng nhận trông trẻ theo thời gian ngắn tại Toyoake Nakayoshi, nếu gửi thêm trong khoảng thời gian 16:15 ~ 17:45 cứ 30 phút phí 100 yên, khoảng thời gian 17:45 ~ 18:30 tổng phí là 100 yên.

Về phí bữa ăn tại cơ sở trông trẻ

Phí bữa ăn tại cơ sở trông trẻ (phí bữa ăn chính/phí bữa ăn phụ) sẽ khác nhau tùy theo cơ sở trông trẻ. Phương pháp nộp như dưới đây.

※Khi gửi trẻ tại những trường mẫu giáo có bộ phận trông trẻ "Trường mẫu giáo Rejoyce" hoặc "Trường mẫu giáo Toyoake(tên dự kiến)", sẽ phải trả một khoản phí ban đầu. Vui lòng liên hệ trực tiếp với từng cơ sở để biết thêm chi tiết.

	Chứng nhận số 2 và Chứng nhận số 3		Lớp trẻ 1 tuổi
	Lớp trẻ 3~5 tuổi	Lớp trẻ 0~2 tuổi	
Phí ăn	Thu phí thực tế (đối tượng như dưới đây※)	Được bao gồm trong phí trông trẻ, v.v...	Thu theo phí thực tế (Đối tượng như※)
Phương pháp nộp	Công tập: Chuyển từ tài khoản chuyển khoản phí trông trẻ Tự lập: Nộp trực tiếp tại cơ sở trông trẻ	—	Nộp trực tiếp tại cơ sở trông trẻ

※Trẻ em trong các hộ gia đình có tổng số tiền thuế cư trú tính theo thu nhập chịu thuế (cùng tiêu chuẩn với phí trông trẻ) từ 77.101 yên trở lên, ngoại trừ trẻ thứ 3 trở đi chưa đến tuổi đi học trong hộ gia đình.

Về các khoản phí ngoài phí trông trẻ và phí ăn tại cơ sở trông trẻ (khoản thu theo thực tế phát sinh)

Các cơ sở có thể thu thêm các khoản phí như phí tài liệu học tập, hội phí phụ huynh, v.v... Đối với các cơ sở trông trẻ tự lập có thể có những đồ chỉ định như đồng phục, cặp sách, v.v... nên vui lòng xác nhận trước khi đăng ký.

※別途入園料が必要な場合があります。詳細は各施設に直接お問い合わせください。

Q1. 市内で引っ越しをしましたが、何か手続きは必要ですか。

A1. 各施設長にお申し出ください。

Q2. 保育所を利用していますが、妊娠した場合でも引き続き利用できますか。その場合にはどのような手続きが必要ですか。

A2. 速やかに母子手帳の「表紙」「出産予定日」ページのコピーを各施設事務室に提出してください。出産日の翌々月の末日までは、継続利用が可能です。その後、保育を必要とする事由を満たす場合については、さらに継続して利用が可能です。このうち、育児休業を取得する場合は、2～5歳児クラスのみ継続利用が可能となります。(0～1歳児クラスは、育児休業の認定を受けての保育所等利用ができないため、認定期間満了をもって退園となります。)なお、認定変更等の必要な手続きについては、別途ご案内します。

Q3. 来月で仕事を辞めることになりました。保育所も退園することになりますか。

A3. 保育を必要とする事由がない場合は、退園となります。就労することを目的として求職活動を行う場合は、継続利用が可能です。(市役所こども保育課への活動報告が必要)また、求職活動の認定期間内に就労(月60時間以上)を開始し、就労への認定変更手続きがあった場合に限り、継続利用が可能となります。

Q4. 現在、認定こども園幼稚園部分を利用していますが、保育所部分に変更することはできますか。

A4. 保育を必要とする事由を満たし、利用可能枠に空きがある場合のみ可能です。事前に市役所こども保育課での入所申込手続きとともに、認定変更の申請が必要です。利用調整の結果、案内できない場合は、幼稚園部分の利用(1号認定)継続となり、利用可能枠に空きが出るまでお待ちいただくこととなります。

Q5. 現在認定こども園保育所部分を利用していますが、仕事を辞める予定です。幼稚園部分に変更となりますか。

A5. 今後も継続して保育を必要とする事由がない場合は、保育所等は退園となりますので、退園届等の提出をお願いします。また、幼稚園部分の利用手続きについては、必ず事前に施設にお問い合わせください。

7. その他の様々な保育サービスについて

病後児保育(※毎年度更新制です)

病気の回復期(病状が安定していて、回復に向かっている時期)で、医師から病後児保育の利用が可能と診断されたお子さんを、病後児専用施設で一時的に保育する事業です。なお、お子さんの保育は担当保育士・看護師が行い、病状の変化に対応します。

◆病後児保育 利用対象児童 ①～④の全てに該当する方

- ① 豊明市内に住所があること。
- ② 保育園・幼稚園等に通園している乳幼児または小学校に通学している児童。
- ③ 病気の回復期であるが、集団生活は困難である乳幼児または児童。
- ④ 保護者の勤務等の都合により、家庭で保育を行うことが困難であること。

◆利用までの流れ

1 利用登録

利用を希望する方は、あらかじめ市役所こども保育課(新館2階)窓口及び二村台保育園での事前登録が必要です。

※1回の登録で、当該年度の3月31日まで有効です。毎年3月に翌年度の登録受付を開始します。

2 医療機関受診

医療機関を受診し、医師から「病後児保育が利用可能である診断」を受けてください。

(受入状況等によりご利用できない場合もありますので、事前に空き状況を確認してください。)

3 利用予約

医師から利用可能である診断を受けてから、利用日の前日8時30分から17時、当日は11時までに電話で予約をしてください。

4 病後児保育室利用

利用に際し、必要書類を提出してください。

★登録・利用等に必要書類は、全て豊明市ホームページ
(下記 URL)からダウンロードできます。

<https://www.city.toyoake.lg.jp/1522.htm>

市役所こども保育課窓口及び公立保育園でもお渡ししています。

5 お迎え

お迎え時に、病後児保育室での様子をお伝えします。

◆施設および利用概要

《施設名》 病後児保育室「えがお」

《所在地》 豊明市二村台3丁目1番地1 豊明団地54棟104号

《電話番号》 0562-92-2211

《利用日時》 月曜～土曜(祝日・年末・年始を除く)8時から18時まで

《利用期間》 原則として1回につき連続6日間まで

《利用料金》 1人あたり1日につき2,000円 ※生活保護、市民税非課税世帯には減免制度あり。

《利用定員》 1日5人まで ※お預かりするお子さんの状態や予約状況等によってはこれ以下の場合もあり

★その他、「NPO法人福祉サポートセンターさわやか愛知」委託による病児・病後児保育を実施しています。

利用にはあらかじめさわやか愛知での手続きが必要です。詳細はさわやか愛知へお問い合わせください。

《対象》・保育を必要とする生後4か月から小学校6年生までの児童であること。

・豊明市内に住所があること。

《問合先》さわやか愛知 所在地:大府市共栄町二丁目420-1 電話番号:0562-44-9206

一時保育

一時保育とは、市内在住の保護者が一時的に保育を必要とする場合、**就学前の乳幼児**をお預かりする制度です。受入人数は原則1日5名以内ですが、園の状況により受入できない場合があります。
 私立保育所で実施されている一時保育の対象年齢や利用日数については、各園にお問い合わせください。

◆公立保育所での一時保育利用要件

(1)非定型的保育【中部保育園】

★ 保護者が労働、職業訓練等により週3日以内、月15日以内において保育が必要な場合

(2)緊急保育【各公立保育所で実施】

★ 次のような社会的にやむを得ない緊急の事由により一時的に保育が必要な場合

- ・急病等による緊急入院等、または家族等の看護にあたる時。(月14日以内の必要と認められる日数)
- ・災害・事故等により不在であるとき。(月14日以内の必要と認められる日数)
- ・親族の冠婚葬祭に出席するとき。(5日以内)

(3)私的理由保育(リフレッシュ保育)【中部保育園】

★ 保護者の私的理由(家庭での育児疲れの解消等)による場合(公立保育所は月1日のみ利用が可能)

◆一時保育実施園

種別	受付窓口	電話番号	対象年齢児
非定型的保育 私的理由保育	中部保育園	0562-92-7667	非定型的保育 令和6年4月1日以前に生まれたお子様 私的理由保育 利用月の初日で生後4か月以上のお子様
	アイグラン保育園内山	0562-57-5590	園へご相談ください
	しらほ東部保育園	0562-57-2430	
私的理由保育	中京サテライトクリニック附属 かなで保育園	0562-57-0082	
緊急保育	市役所こども保育課	0562-92-1120	各公立保育所入所可能人数によります

◆申込みについて

中部保育園での非定型的保育・私的理由保育

利用月の前月初旬頃に中部保育園で受付をしております。市ホームページに各月の受付日や申込みに必要な持ち物等記載しておりますのでご確認ください。

空きがあり受入れが可能な場合は、利用希望日の2週間前まで受付をしております。

公立保育所での緊急保育

市役所こども保育課へご相談ください。

私立保育所での一時保育

詳細につきましては、園へお問い合わせください。利用料金についても、併せて園へご確認ください。

◆保育時間

	私的理由保育	非定型的保育・緊急保育
■	【月～金】9時00分から16時00分まで	【月～金】8時15分から16時15分まで 【土】別途ご相談ください。
	※園の状況により、保育時間が短くなる場合があります。お子さんの様子に応じて連絡をいれさせていただきます。ただくこともあります。	※必要に応じて早朝・延長保育も行います。時間は各園の開所時間と同じです。

◆公立保育所での一時保育料金(令和7年4月1日時点の年齢による。)

年齢	日額
0歳児	2,000 円
1・2歳児	1,900 円
3歳児	900 円
4・5歳児	800 円

料金は前月中に振込用紙にて納付いただきます。(欠席した場合は、後日返金します。)納付がない場合はご利用、新たなお申込はできません。**必ず納期限までにご納付ください。**
 利用期間中に園行事に参加する場合は、別途必要経費を徴収します。

私立保育所等案内

むつみほいくえん

子どもたち 一人一人は“かけがえのない存在”

大切に 丁寧に 心に寄り添い みつめる

むつみほいくえんは

子どもたちが 自分らしく 心満たされる場所でありたい

園庭には沢山の木々が育ち、自然の恵みを感じることができます。畑では作物を育て、すべてのいのちを支えてくださっている大地の尊さを学んでいます。園が子ども達を支える大地のような場でありたいと願っています。

また、子ども達が日々生活の見通しをもち、安心して過ごせるようお部屋の保育環境も整えています。

園での生活でいろんなことを体験し、充実した時を過ごしながら、「みんなと手をつなげる子ども」「自立し、あらゆるいのちと共に歩んでいける人」となれるよう、その土台が育まれる園でありたいと考えています。



Instagramで情報配信中

からたけ保育園



《保育理念》

- ① 一人ひとりの子どもの個性を大切に、楽しく園生活ができる。
- ② 保護者からも愛され、信頼される保育園を目指す。
- ③ 常に保育の資質向上に努め、子どもの段階的発展に結びつける。

《保育目標》

- ① あいさつができる子〔心を開く〕
- ② 「はい」と言える子〔尊敬の念を持つ〕
- ③ はきものが揃えられる子〔後始末をつける〕

《保育活動》

3歳以上児クラスより

リトミック・体操教室・英語・かきかた（年長児）に取り組んでいます。

マミーナ保育園

0歳 1歳 2歳

みんなが安心して過ごせる園

子どもの成長を喜びあえる園



ホームページに子どもたちの楽しいがいっぱい♡



社会福祉法人 白帆会

しらほ東部保育園

子どもたちが、元気にのびのびと過ごせるようにしらほ東部保育園では、保育園を「昼間の家庭」と考えて、お家の方々と一緒に子育てを考えていきます。



しらほ東部保育園の
ホームページは
こちらです！





保育園での毎日を楽しみながら、子ども達の心と身体は、無理なく自然に成長していきます。

私たちは、子ども達に寄り添いながら、お子様にとっても、保護者の方にとっても、楽しい園生活となるよう願って努めてまいります。

保育理念

「共に生き、共に育つ」

子どもも、保育士も共に育ちあえる園

保育目標

1. 心も身体も元気で自分を大切にできる子
2. いろいろなことに挑戦する意欲をもった子
3. 感謝する心を大切にし、人を思いやれる優しい心をもった子
4. 自然を大切にし、自然の恵みを享受する子

ホームページも是非ご覧ください

2025年
園舎リニューアル

アイグラン保育園内山

保育理念

AI GRAN

私たちは子ども達に「自分の夢を自分の力で実現できる人」

になって欲しいと願っています。

そして、そのためには次のことが必要だと考えています。

- ・いろいろなことに興味を持ち、自分で考えやってみる気持ちを持つこと。
- ・思いやりの気持ちを持って楽しく仲間と関わることができること。
- ・安心できる「心の基地」があること。

保育方針

自主性を育てます

個性を大切にします

思いやりの気持ちが育つ、「心の基地」をめざします

自然との触れ合いを大切にします

アイグラン保育園の特色

食育に対する取り組み

- ・給食、おやつとも完全手作り。
- ・化学調味料は極力使いません。

リトミック教育

- ・有資格講師の本格的なリトミックを導入。
- ・身体を使い、五感に刺激を与える遊び。

外国人講師による英語教育

- ・外国人講師と対面での英会話レッスン
- ・英語のダンスや歌を楽しみます。

アイグランのインスタです♪

アイグラン保育園内山の保育
ご覧ください！



memorytree三崎保育園

保育理念

「お子様第一、パパママ第一」

子どもの無限の可能性を信じ、
初めての「出来た」を共に喜び分かち合う

memorytree保育園では、お子様一人ひとりの発達に合わせ、一人ひとりを大切にしながら温かい保育を行っています。

保護者様との連携を密にし、お子様の成長を共に考え見守りたいと考えています。

そして、忙しい保護者様に代わり、園で英会話、幼児体育、リトミックなど様々な習い事を実施することでお子様の可能性を広げます。

HPもご覧ください♪



memorytree前後保育園

保育理念

「お子様第一、パパママ第一」

子どもの無限の可能性を信じ、
初めての「出来た」を共に喜び分かち合う

memorytree前後保育園は、2020年10月1日に開園した、豊明市で2園目のmemorytree保育園です。memorytree三崎保育園と同様にお子様の成長に沿った温かい保育を行い、習い事も取り入れています。また、前後園では安心安全を配慮した上で、お子様の感性に働きかける工夫が園内に多く施されています。お子様が「本物」に触れる機会を取り入れています。今しかない大切な時期を、保護者様と一緒に成長を考え見守っていきたくと考えています。



（仮）幼保連携型認定こども園

豊明幼稚園

沓掛の田んぼや畑に囲まれた自然がいっぱいの豊明幼稚園
令和7年度より 幼保連携型認定こども園に移行予定です。

0歳から5歳までの 認定こども園となる予定です。

緑豊かな恵まれた環境下で 芋掘りや稲刈りなどの 自然との
ふれあい 季節の移ろいを肌で感じながらの園生活をおくっています。



運動会や餅つきなどの行事を通して
心身の成長が促すことを目指しています。



心豊かな園生活が送れるように
先生やお友達といっぱい遊んでいます。



♡0・1・2歳児の保育園です。

産休明けから入園できます。

♡お昼ごはんもおやつも手作りです。

おかわりもOK！おいしいと大好評。

♡自然をたくさん感じながら散歩を楽しみます。

♡ご近所・町内会ともなかよし。

安心安全な毎日を大切にしています。

♡連絡ノートで一日の様子をお伝えします。



平成30年4月
に開所しました♪

中京サテライトクリニック附属 かなで保育園

かなで保育園は、子ども・保護者・保育
者の3つのつながりを大切にし、
共に成長していくことを目指します。

子どもの主体性に重点を置き、ひとりひと
りの生活を見守りながら日々大切に保育
をしていきます。

また、「なんでも話ができる」家庭的なあた
たかい雰囲気を感じ、保護者の方との連
携を常に取りながら、毎日元気に楽しく登
園できるような保育園を目指します。



幼保連携型認定双峰こども園

リジョイス幼稚園

0歳(6ヶ月)～年長児までのお子様に、愛情を土
台とした保育、教育を行います。

当園は「音楽教育」に力を入れており、鼓笛演奏、
器楽合奏等を日頃から行っています。また、専門
講師による体力増進を目標とした体力指導があ
り、側転や跳び箱6段を跳べるようになる子も
います。幼少期に多くの体験ができるよう、外国
人講師による英語指導やダイナミックで楽しい
専門講師による美術指導も行っています。

